TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/DS-PT
Ngày 19-4-2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Đinh Thị Ngọc Y

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số 98A, đường N, khu phố T, thị trấn T1, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Y, sinh năm 1963 và ông Bùi Đức V, sinh năm 1960;

Cả hai cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện T1, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L và bị đơn bà Võ Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L như sau:

Ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà L cho bà Y và ông V vay số tiền 450.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 5.000.000 đồng/tháng, thời gian vay là 05 năm. Ngày 07 tháng 7 năm 2015 bà Y, ông V có ký tên trong hợp đồng vay tiền, thế chấp tài sản được chứng thực tại Văn phòng công chứng Tân Trụ. Bà Y và ông V có giao cho bà L giữ 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 224 và thửa 352, cùng tờ bản đồ số 11 do bà Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ ngày 07 tháng 8 năm 2015 đến tháng 8 năm 2020 bà Y có trả lãi 5.000.000 đồng/tháng; Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 bà Y có trả lãi 10.000.000 đồng/tháng, đây là số tiền lãi thỏa thuận giữa các bên. Từ tháng 01 năm 2021 bà Y ngưng trả tiền lãi. Nay yêu cầu bà Y, ông V trả số tiền vay còn nợ là 450.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà L có yêu cầu bà Y và ông V trả 20 chỉ vàng 24kr. Nay bà L rút lại yêu cầu này.

Bị đơn bà Võ Thị Y trình bày: Bà không nhớ rõ thời gian, bà có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền tại Ngân hàng. Sau đó, bà L yêu cầu bà rút bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng ra thế chấp cho bà L để vay tiền.

Ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà và ông V có vay của bà L số tiền 450.000.000 đồng, thời gian 5 năm, thỏa thuận lãi suất theo Ngân hàng, hàng tháng bà Y có trả cho bà L số tiền 5.000.000 đồng để tính lãi, số tiền dư sẽ trừ vào vốn gốc khi hai bên thanh toán hợp đồng.

Từ ngày 07 tháng 8 năm 2015 đến ngày 07 tháng 8 năm 2020 bà Y có trả cho bà L số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng/tháng. Bà đồng ý trả cho bà L số tiền vay 450.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm từ ngày vay nhưng số tiền trả lãi dư phải cấn trừ vào nợ gốc; đồng thời yêu cầu bà L phải trả cho bà 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Bùi Đức V vắng mặt và không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Y và ông V.

Buộc bà Y và ông V liên đới trả cho bà L số tiền vay là 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà Y, ông V trả số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L đối với yêu cầu bà Y và ông V trả 02 cây vàng 24kr.

Buộc bà L trả cho bà Y 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY290069 số vào sổ CH 06849 và số BY290070 số vào sổ CH 06848 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp ngày 08 tháng 01 năm 2015 đối với thửa đất số 224 diện tích 1.404,9m^2 loại đất ở tại nông thôn, thửa đất số 352, diện tích 1.500m^2, loại đất nuôi trồng thủy sản, cùng tờ bản đồ số 11, tọa lạc Ấp B, xã Đ, huyện T1, tỉnh Long An.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Y và ông V liên đới chịu 21.200.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, hai trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Bà L được miễn chịu án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, bị đơn bà Y kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét khấu trừ tiền lãi mà bà đã trả cho bà L theo lãi suất 10%/năm vào số tiền vốn vay 430.000.000 đồng.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, nguyên đơn bà L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc bà Y trả lãi tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến ngày 12 tháng 8 năm 2021 là 16 tháng 12 ngày, lãi suất 1%/tháng trên số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng là 73.800.000 đồng. Trừ lại số tiền bà Y đóng cho bà L 40.000.000 đồng, còn lại là 33.800.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi yêu cầu trả là 483.000.000 đồng (450.000.000 đồng + 33.800.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà L trình bày: Năm 2015 bà Y có vay của bà số tiền 450.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24kr. Hai bên có lập hợp đồng thế chấp tài sản cho việc vay tiền, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 05 năm. Bà Y trả lãi hàng tháng

5.000.000 đồng bao gồm 1% của số tiền vay 450.000.000 đồng và 500.000 đồng tiền lãi của việc mượn 20 chỉ vàng 24kr. Khi hợp đồng hết 05 năm thì bà Y có trả tiền lãi 04 tháng là 40.000.000 đồng, tính từ tháng 8 đến tháng 11 nhưng trả vào ngày 01 tháng 9 năm 2020 đến ngày 01 tháng 12 năm 2020 mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Khi hết hợp đồng, hai bên có thỏa thuận 20 tháng sau sẽ tính lại nhưng sau đó bà yêu cầu bà Y tiếp tục ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo số tiền vay nhưng bà Y không đồng ý. Vì vậy, bà cảm thấy không an tâm nên ngày 16 tháng 12 năm 2020 bà làm đơn khởi kiện bà Y.

Số tiền lãi trả 5.000.000 đồng hàng tháng trong thời gian hai bên đã thực hiện hợp đồng đã ký là 05 năm đã hoàn tất nên không đồng ý tính lại. Bà yêu cầu tính tiền lãi từ tháng 08 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020 với mức lãi 1%/tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng trong đó có 500.000 đồng tiền lãi của mượn vàng, sau đó trừ lại số tiền bà nhận 40.000.000 đồng (10.000.000 đồng x 04 tháng) số tiền còn lại trừ vào tiền gốc. Bà Y trả 20 chỉ vàng cho bà sau khi bà khởi kiện cuối năm 2020 nên vẫn còn tính lãi 500.000 đồng/tháng của việc mượn vàng.

Bà L xác định khi nộp đơn khởi kiện vào ngày 16 tháng 12 năm 2020 không yêu cầu tính lãi vì nghĩ thời gian xét xử ngắn nhưng do tình hình dịch covid kéo dài nên quyền lợi của bà bị ảnh hưởng. Vì vậy, bà kháng cáo yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện, ngày 16 tháng 12 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm nếu được thì tính đến ngày xét xử phúc thẩm.

Bà Y trình bày: Năm 2015 bà có vay của bà L 450.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn vay 05 năm, lãi suất 1%/tháng, hàng tháng bà trả bà L 5.000.000 đồng. Hợp đồng 05 năm hai bên đã thực hiện xong nên đồng ý không tính lại số tiền lãi đã trả. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2020 đến ngày 01 tháng 12 năm 2020 bà đã trả cho bà L 40.000.000 đồng. Bà yêu cầu trừ tiền lãi 4.500.000 đồng/tháng còn lại trừ vào nợ gốc. Bà không đồng ý tiếp tục tính lãi từ ngày bà L khởi kiện là ngày 16 tháng 12 năm 2020 trở về sau. Số vàng 20 chỉ 24kr bà đã trả cho bà L vào cuối năm 2020, việc trả vàng đã có lời nên không đồng ý tính lãi 500.000 đồng của việc mượn vàng.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn bà L và bị đơn bà Y kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Các bên thống nhất có việc vay tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm và đã thanh toán lãi 1%/tháng. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2020 đến 01 tháng 12 năm 2020 các bên thống nhất đã nhận số tiền 40.000.000 đồng, tại phiên tòa các bên đồng ý tính lãi suất 1%/tháng, số tiền trả

hàng tháng 10.000.000 đồng trừ vào tiền lãi, còn lại trừ vào nợ gốc và các bên thống nhất chỉ điều chỉnh mốc thời gian sau khi kết thúc hợp đồng 05 năm. Nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại lãi suất trong thời gian 04 tháng tính từ tháng 8 năm 2020.

Bà L kháng cáo yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện đến này xét xử sơ thẩm, xét thấy đơn khởi kiện bà L không yêu cầu tính lãi nên Tòa sơ thẩm chưa xem xét giải quyết vì vậy không có căn cứ để xem xét giải quyết tại cấp phúc thẩm.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L, chấp nhận kháng cáo của bà Y. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà L và bị đơn bà Y kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bà L và bà Y về một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bà L, bà Y thấy rằng: Ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà L có cho ông V, bà Y vay số tiền 450.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày 07 tháng 7 năm 2015. Các bên trình bày thống nhất trong thời hạn 05 năm, bà Y trả cho bà L hàng tháng là 5.000.000 đồng và khi hết thời hạn 05 năm, từ tháng 9 năm 2020 bà Y có trả cho bà L hàng tháng 10.000.000 đồng, trả được 04 tháng là 40.000.000 đồng; đồng thời xác định hiện nay bà Y chưa trả số tiền gốc 450.000.000 đồng.

[3.1] Tại cấp sơ thẩm bà L cho rằng thỏa thuận lãi 5.000.000đ/tháng (tương đương 13,32%/năm). Bà Y cho rằng thỏa thuận theo mức lãi suất của Ngân hàng nhưng bà đồng ý trả lãi là 10%/năm nên số tiền đã trả dư được cấn trừ vào nợ gốc. Do đó, cấp sơ thẩm xác định các bên có tranh chấp về lãi suất nhưng không vượt quá lãi suất 1,66%/tháng được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bên thống nhất số tiền lãi đã trả 5.000.000 đồng/tháng là tính mức lãi suất 1%/tháng của số tiền vay 450.000.000 đồng và lãi 500.000 đồng của việc vay 20 chỉ vàng 2kr. Các bên thống nhất việc trả 5.000.000 đồng/tháng trong thời hạn 05 năm đã thực hiện xong hợp đồng nên không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả.

[3.2] Đến tháng 8 năm 2020 khi kết thúc hợp đồng thì giữa bà và bà L có thỏa thuận gia hạn hợp đồng và số tiền bà Y trả cho bà L hàng tháng là 10.000.000đ/tháng x 04 tháng = 40.000.000 đồng. Tuy nhiên do bà L yêu cầu bà Y, ông V phải chứng thực lại hợp đồng vay tiền, thế chấp tài sản nhưng bà Y không đồng ý nên bà L không đồng ý gia hạn thời gian trả nợ mà khởi kiện để

yêu cầu lấy lại số tiền đã cho bà Y vay. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L và bà Y đồng ý điều chỉnh trừ số tiền đã trả 40.000.000 đồng vào nợ gốc sau khi trừ tiền lãi 1%/tháng. Bà L đồng ý trừ tiền lãi 5.000.000 đồng/tháng, trong đó có 500.000 đồng lãi của mượn vàng x 4 tháng là 2.000.000 đồng vì đến đầu năm 2021 bà Y mới trả 20 chỉ vàng 24kr cho bà. Xét thấy, bà L đã rút yêu cầu khởi kiện đối với 20 chỉ vàng 24kr nên không xem xét đối với yêu cầu tính lãi vàng nên số tiền bà L đã nhận 40.000.000 đồng được tính lãi suất 1%/tháng trên số nợ 450.000.000 đồng; việc tính lãi 04 tháng trừ vào nợ gốc như sau:

- Ngày 01 tháng 9 năm 2020 bà Y trả 10.000.000 đồng – 4.500.000 đồng tiền lãi, còn lại 5.500.000 đồng trừ vào nợ gốc 450.000.000 đồng, nợ gốc còn lại 444.500.000 đồng.

- Ngày 01 tháng 10 năm 2020 tiền lãi tính trên nợ gốc 444.500.000 đồng x 1% = 4.445.000 đồng – 10.000.000 đồng bà L đã nhận, còn lại 5.555.000 đồng – vào nợ gốc 444.500.000 đồng, nợ gốc còn lại 438.945.000 đồng.

- Ngày 01 tháng 11 năm 2020 tiền lãi tính trên nợ gốc 438.945.000 đồng x 1% = 4.389.450 đồng – 10.000.000 đồng bà L đã nhận, còn lại 5.610.550 đồng – vào nợ gốc 438.945.000 đồng, nợ gốc còn lại 433.334.450 đồng.

- Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tiền lãi tính trên nợ gốc 433.334.450 đồng x 1% = 4.333.300 đồng – 10.000.000 đồng bà L đã nhận, còn lại 5.666.655 đồng – vào nợ gốc 433.334.450 đồng, nợ gốc còn lại 427.667.795 đồng.

Như vậy, sau khi khấu trừ tiền lãi vào gốc, bà Y trả cho L số tiền nợ gốc là 427.667.795 đồng (bốn trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

[3.3] Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2020 của bà L không yêu cầu tính lãi nên kháng cáo của bà L yêu cầu bà Y tiếp tục trả lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến xét xử sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận vì đây là yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của bà L, chấp nhận kháng cáo của bà Y. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí, kháng cáo của bà Y được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi có đơn yêu cầu miễn nên chấp nhận miễn tiền án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Y đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc L. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Y.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc L đối với bà Võ Thị Y và ông Bùi Đức V về việc yêu cầu trả 02 cây vàng 24kr.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc L tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Võ Thị Y và ông Bùi Đức V.

Buộc bà Võ Thị Y và ông Bùi Đức V liên đới trả cho bà Trần Thị Ngọc L số tiền nợ gốc là 427.667.795 đồng (bốn trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng). .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L về việc yêu cầu bà Võ Thị Y và ông Bùi Đức V trả số tiền 22.332.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng).

4. Buộc bà Trần Thị Ngọc L trả cho bà Võ Thị Y 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY290069 số vào sổ CH 06849 và số BY290070 số vào sổ CH 06848 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp cho bà Võ Thị Y ngày 08 tháng 01 năm 2015 đối với thửa đất số 224 diện tích 1.404,9m^2 loại đất ở tại nông thôn, thửa đất số 352, diện tích 1.500m^2, loại đất nuôi trồng thủy sản, cùng tờ bản đồ số 11, tọa lạc Ấp B, xã Đ, huyện T1, tỉnh Long An.

5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị Y và ông Bùi Đức V liên đới chịu số tiền 21.106.700 đồng (hai mươi mốt triệu một trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm đồng). Bà Trần Thị Ngọc L được miễn nộp án phí đối với yêu cầu bị bác.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc L được miễn nộp.

Bà Võ Thị Y không phải chịu. Hoàn trả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007111 ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

6. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền